

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 811/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2020
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/01/2020 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1990; địa chỉ: 54 Khu phố B, phường T, Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: 41/1K Tổ A, ấp H, xã B, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Huy Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 7, quyển số 01/2014 ngày 13/01/2014. Vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng nhưng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, cờ bạc gây ra các khoản nợ lớn, đã tạo nhiều cơ hội nhưng thay đổi. Bà T cùng con về nhà cha mẹ ruột tại Quận 12, Tp.Hồ Chí Minh sinh sống và vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau từ năm 2016 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng không thể cứu vãn, bà không còn tình cảm với ông Đ nên không thể chung sống với nhau nên bà xin được ly hôn. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 16/5/2014, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn là ông Nguyễn Huy Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, xác nhận không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Bà T và ông Đ chung sống có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp; bà T xin ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, sống ly thân từ 2016, không còn tình cảm với ông Đ nên không thể hàn gắn, đoàn tụ; ông Đ được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, thể hiện không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ; con chung là nữ do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 7, quyển số 01/2014 ngày 13/01/2014 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp, quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu ly hôn:

Theo bà T, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do quan điểm sống trái ngược nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, bỏ mặc nhau từ năm 2016 nên bà không còn tình cảm với ông Đ, không thể hàn gắn, đoàn tụ.

Ông Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó ông Đ trực tiếp nhận Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/5/2020 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi là bỏ mặc mâu thuẫn vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn, cũng không có giải pháp đoàn tụ gia đình.

Tại biên bản xác minh ngày 29/4/2020, đại diện Ban nhân dân ấp H, xã B, huyện Hóc Môn xác định địa phương không nắm rõ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ, bà T không còn sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được động viên đoàn tụ vợ chồng nhưng bà T cương quyết xin ly hôn với ông Đ, vì vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, bỏ mặc nhau từ năm 2016, bà không còn tình cảm với ông Đ nên hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý, không còn ý nghĩa trên thực tế.

Như vậy, có căn cứ xác định việc vợ chồng bà T, ông Đ đã sống ly thân bỏ mặc nhau nhiều năm, không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng: Theo lời khai của bà T kèm Giấy khai sinh số 282/2014, quyền số 02/2014 ngày 10/7/2014 do Ủy ban nhân dân xã B cấp, xác định bà T và ông Đ có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 16/5/2014. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với việc bà T là người đang trực tiếp nuôi con, bà T cũng có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm và thu nhập ổn định nên yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”*. Ông Đ vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Huy Đ.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trần Ngọc L, sinh ngày 16/5/2014; tạm ngừng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Huy Đ cho đến khi có yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Trần Thị Thanh T trình bày không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0074373 ngày 14/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Trần Thị Thanh T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Bà Điểm;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Huy